

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2024
CỦA HUYỆN KON RẪY**

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
					NNP	PNN	CSD			
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	97,52		97,52	97,26	0,16	0,10			
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	86,10		86,10	85,84	0,16	0,10			
1.1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng	85,90		85,90	85,64	0,16	0,10			
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
<i>1</i>	<i>ĐQHQP3</i>	<i>36,00</i>		<i>36,00</i>	<i>36,00</i>			<i>Xã Đăk Tô re</i>	<i>CQP</i>	<i>Công văn 45/BCH-TM ngày 17/1/2022 của ban chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum</i>
<i>2</i>	<i>ĐQHQP4</i>	<i>37,00</i>		<i>37,00</i>	<i>37,00</i>			<i>Xã Đăk Tô re</i>	<i>CQP</i>	<i>Công văn 45/BCH-TM ngày 17/1/2022 của ban chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum</i>
<i>3</i>	<i>ĐQHQP17</i>	<i>2,80</i>		<i>2,80</i>	<i>2,80</i>			<i>Xã Đăk Kôi</i>	<i>CQP</i>	<i>Công văn 45/BCH-TM ngày 17/1/2022 của ban chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum</i>
<i>4</i>	<i>ĐQHQP1</i>	<i>10,00</i>		<i>10,00</i>	<i>9,84</i>	<i>0,16</i>		<i>Xã Đăk Tô Lung</i>	<i>CQP</i>	<i>Quyết định 1133/QĐ- QK ngày 16/7/2022 của Quân Khu 5</i>
b	Đăng ký mới năm 2024									
<i>5</i>	<i>ĐQHQP9 (Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự Xã Đăk Pnê)</i>	<i>0,10</i>		<i>0,10</i>			<i>0,10</i>	<i>Xã Đăk PNe</i>	<i>CQP</i>	<i>Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 HĐND huyện Kon Rẫy</i>
1.1.2	Công trình, dự án mục đích, an ninh	0,20		0,20	0,20					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
6	Trụ sở Công an xã Đăk Ruông	0,10		0,10	0,10			Xã Đăk Ruông	CAN	Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Công văn 2666/CAT-PH10 ngày 10/8/2023 của công an tỉnh về việc đăng ký danh mục công trình năm 2024;
7	Trụ sở Công an xã Tân Lập	0,10		0,10	0,10			Xã Tân Lập	CAN	Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Công văn 2666/CAT-PH10 ngày 10/8/2023 của công an tỉnh về việc đăng ký danh mục công trình năm 2024;
b	Đăng ký mới năm 2024									
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	11,42		11,42	11,42					
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất									
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	11,42		11,42	11,42					
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
8	Đường dây 500KV Dốc Sỏi-	5,97		5,97	5,97			TT Đăk Rve	DNL	Quyết định 2025/QĐ-TTg ngày 14/12/2017 của thủ tướng chính phủ; Quyết định số 16/QĐ-FVN ngày

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
	<i>Pleiku 2</i>	5,45		5,45	5,45			<i>Xã Đăk Pnê</i>	<i>DNL</i>	<i>Quyết định số 10/QĐ-LVIN ngày 26/01/2018 của Tập đoàn điện lực Việt Nam</i>
2	Các công trình, dự án còn lại	1.024,39	421,89	602,50	587,93	6,86	7,71			
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	119,57	12,12	107,45	99,84	6,41	1,20			
2.1.1	<i>Danh mục các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</i>	17,76	0,02	17,74	16,76	0,98				
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
9	<i>Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum. Hợp phần 1: Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi đập ông Dân xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy</i>	4,95		4,95	4,95			<i>Xã Tân Lập</i>	<i>DTL</i>	<i>Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 29/04/2022 HĐND tỉnh; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</i>
b	Đăng ký mới năm 2024									
10	<i>Hồ chứa nước Đăk PoKei, huyện Kon Rẫy. (Giai đoạn 2)</i>	10,50	0,02	10,48	9,53	0,95		<i>Xã Đăk Ruông</i>	<i>DTL</i>	<i>Quyết định 278/QĐ-UBND ngày 22/03/2018 của UBND tỉnh ; Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2024</i>
		2,01		2,01	1,98	0,03		<i>Xã Đăk Tô re</i>	<i>DTL</i>	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
11	Xây dựng Hạt Kiểm lâm Kon Rẫy, thuộc dự án "Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025".(Đất trụ sở khu quy hoạch chung thị trấn huyện lỵ)	0,30		0,30	0,30			Xã Tân Lập	TSC	Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2023; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2024
2.1.2	Danh mục các dự án đầu tư công không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	55,42	12,10	43,32	40,67	1,45	1,20			
2.1.2.1	Đất nông nghiệp									
2.1.2.2	Đất phi nông nghiệp	55,42	12,10	43,32	40,67	1,45	1,20			
2.1.2.2.1	Đất giao thông	48,11	12,10	36,01	33,37	1,45	1,19			
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
12	Cầu qua sông Đăk Bla tại thôn 12 xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy	2,50	0,5	2,00	1,95		0,05	Xã Đăk Ruồng	DGT	Nghị Quyết số 09/QĐ -HĐND ngày 12/3/2021 của HĐND Tỉnh; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Kon Tum

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
13	Dự án Đường giao thông từ xã Đăk Pnê huyện Kon Rẫy đi huyện KBang tỉnh Gia Lai	21,99	4,00	17,99	17,40	0,05	0,54	Xã Đăk Pnê	DGT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12/03/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 28/05/2021; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2024
14	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH22 huyện Kon Rẫy	2,00		2,00	1,40		0,60	Xã Đăk Pnê	DGT	Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 HĐND tỉnh; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục thu hồi đất
		2,20	2,20					TT Đăk Rve	DGT	
15	Đường vào thôn 8 xã Đăk Tô Lung	9,42	5,4	4,02	3,32	0,70		Xã Đăk Ruồng; Đăk Tô Lung	DGT	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Kon Rẫy
16	Đường giao thông trung tâm thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy (Khu Thương mại-Giáo dục-Dân cư phía Tây)	10,00		10,00	9,30	0,70		Xã Đăk Ruồng	DGT	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Kon Rẫy về việc điều chỉnh kế hoạch vốn, bổ sung nguồn kinh phí từ nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021 (kinh phí 7.000 triệu đồng)
b	Đăng ký mới năm 2024									
2.1.2.2.2	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	2,36		2,36	2,36					
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
17	Mở Rộng Trường Mầm Non Tân Lập (điểm trường chính)	0,10		0,10	0,10			Xã Tân Lập	DGD	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 HĐND huyện Kon Rẫy

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
2.1.3	<i>Danh mục các dự án đầu tư ngoài ngân sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</i>	46,39		46,39	42,41	3,98				
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
26	<i>Quy hoạch mô Đông</i>	40,00		40,00	36,02	3,98	<i>Xã Đăk Tô Lung</i>	SKS	<i>Văn bản số 457-CV/TU ngày 04/3/2022 Ban cán sự đảng bộ tỉnh Kon Tum</i>	
27	<i>Thủy điện Đăk Nghé</i>	1,40		1,40	1,40		<i>Xã Đăk Kôi</i>	DNL	<i>Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục thu hồi đất</i>	
b	Đăng ký mới năm 2024									
28	<i>Nhà máy xử lý và tái chế rác thải huyện Kon Rẫy</i>	4,99		4,99	4,99		<i>Xã Đăk Tô re</i>	DRA	<i>Văn Bản số 1768/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy về việc chọn vị trí quy hoạch, đầu tư dự án Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Kon Rẫy và đề nghị cập nhật bổ sung, điều chỉnh dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</i>	
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	527,60	32,64	494,96	488,09	0,45				
2.2.1	Đất nông nghiệp	480,29	12,75	467,54	461,12					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
29	<i>Dự án Trồng cây ăn quả công nghệ cao tại huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum của công ty TNHH nông nghiệp sạch Tây Nguyên</i>	460,25		460,25	453,83		6,42	<i>Xã Đăk Tô Lung</i>	<i>CLN</i>	<i>Quyết định số 327/QĐ -UBND ngày 20/06/2023 của UBND tỉnh Kon Tum</i>
		12,75	12,75					<i>Xã Đăk Tô Lung</i>	<i>DGT; SON</i>	
		7,29		7,29	7,29			<i>Xã Đăk Tô Lung</i>	<i>PNK</i>	
b	Đăng ký mới năm 2024									
2.2.2	Đất phi nông nghiệp	47,31	19,89	27,42	26,97	0,45				
2.2.2.1	Đất chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn	5,20		5,20	5,20					
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
b	Đăng ký mới năm 2024									
30	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	0,04		0,04	0,04			<i>Xã Đăk Kôi</i>	<i>ONT</i>	<i>Có danh sách kèm theo</i>
31	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	1,29		1,29	1,29			<i>Xã Tân Lập</i>	<i>ONT</i>	<i>Có danh sách kèm theo</i>
32	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	2,22		2,22	2,22			<i>Xã Đăk Ruồng</i>	<i>ONT</i>	<i>Có danh sách kèm theo</i>
33	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	0,45		0,45	0,45			<i>Xã Đăk Tô re</i>	<i>ONT</i>	<i>Có danh sách kèm theo</i>
34	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	0,60		0,60	0,60			<i>Xã Đăk Pnê</i>	<i>ONT</i>	<i>Có danh sách kèm theo</i>

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
35	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	0,60		0,60	0,60			Xã Đắc Tô Lung	ONT	<i>Có danh sách kèm theo</i>
2.2.2.2	Đất chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị	1,91		1,91	1,46	0,45				
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
36	<i>Kế hoạch chuyển mục đích từ đất trụ sở sang đất ở (Trụ sở trung tâm dạy nghề- trụ sở tiếp dân cũ)</i>	0,01		0,01		0,01		TT Đắc Rve	ODT	<i>Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 13/5/2022 Của UBND huyện</i>
37	<i>Kế hoạch chuyển mục đích từ đất trụ sở sang đất ở (Trụ sở Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũ)</i>	0,04		0,04		0,04		TT Đắc Rve	ODT	
38	<i>Kế hoạch chuyển mục đích từ đất trụ sở sang đất ở (Thư viện cũ)</i>	0,005		0,00		0,00		TT Đắc Rve	ODT	
39	<i>Kế hoạch chuyển mục đích từ đất trụ sở sang đất ở (Trụ sở phòng văn hóa thông tin cũ)</i>	0,18		0,18		0,18		TT Đắc Rve	ODT	
40	<i>Kế hoạch chuyển mục đích từ đất trụ sở sang đất ở (trụ sở Đội quản lý dịch vụ công cũ)</i>	0,07		0,07		0,07		TT Đắc Rve	ODT	
41	<i>Kế hoạch chuyển mục đích từ đất trụ sở sang đất ở (Trụ sở phòng giáo dục đào tạo cũ)</i>	0,16		0,16		0,16		TT Đắc Rve	ODT	
b	Đăng ký mới năm 2024									
42	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân</i>	1,46		1,46	1,46			TT Đắc Rve	ODT	
2.2.2.3	Đất thương mại dịch vụ	0,78		0,78	0,78					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
48	Dự án đầu tư khai thác khoáng sản cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường và bãi tập kết tại vị trí 1- thôn 3 và thôn 6, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (SHQH 137) Công ty TNHH MTV Xuất nhập Khẩu Hoàng Khánh Trâm	1,17	1,00	0,17	0,17			Xã Tân Lập	SKX;SO N	Quyết định số 731//QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Kon Tum
49	Mỏ Khai thác cát xây dựng tại điểm mỏ 138 + Bãi tập kết và các công trình phụ trợ	5,00	4,50	0,50	0,50			Xã Tân Lập	SKX;SO N	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum
50	Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường và bãi tập kết khoáng sản và công trình phụ trợ thuộc thôn 1, xã Đăk Tô Lung (số hiệu quy hoạch BS02)	2,00	1,50	0,50	0,50			Xã Đăk Tô Lung	SKX;SO N	Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 4/4/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
51	Dự án khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn Đăk Puih, xã Đăk Tô Re (số hiệu quy hoạch BS06) - Công ty TNHH Tư vấn công trình Gia Hưng	9,00		9,00	9,00			Xã Đăk Tô re	SKX	Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 04/04/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
52	Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường và bãi tập kết khoáng sản và công trình phụ trợ (Số hiệu quy hoạch BS01) (Công ty TNHH Tây Tiến)	5,56	5,1	0,46	0,46			Xã Đăk Tô re	SKX;SO N	Quyết định số 658//QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh Kon Tum

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
53	Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường và bãi tập kết khoáng sản và công trình phụ trợ (Số hiệu quy hoạch BS01) Công ty Cổ phần trường Nhật)	5,41	5,00	0,41	0,41			Xã Đăk Tô re	SKX;SO N	Quyết định số 657//QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
54	Dự án khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường và bãi tập kết tại vị trí 2 thôn 12 và thôn 14 xã Đăk Ruồng (Công ty Cổ phần Sinh Lợi Kon Tum)	2,12	1,82	0,30	0,30			Xã Đăk Ruồng	SKX;SO N	Giấy phép số 701/GP-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum
55	Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp thuộc thôn Đăk Puih, xã Đăk Tô re (mã BS quy hoạch BS20) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và thương mại Tiến Dung Kon Tum	3,10		3,10	3,10			Xã Đăk Tô re	SKX	Quyết định số 1094/QĐ- UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum
56	Dự án khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 5, thị trấn Đăk Rve (số hiệu quy hoạch số 135) - Công ty TNHH MTV Thiên Đạt Kon Rẫy	0,97	0,97					TT Đăk Rve	SKX;SO N	Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 04/04/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
b	Đăng ký mới năm 2024									
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác	377,22	377,13	0,09						
2.3.1	Đất giao thông	1,80	1,74	0,06						

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
57	Đường vào ban chỉ huy quân sự huyện Kon Rẫy	1,20	1,2					Xã Đăk Ruông	DGT	Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND huyện
58	Đường đi khu sản xuất đồi nứa thôn 11	0,20	0,17	0,03			0,03	Xã Đăk Ruông	DGT	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 HĐND huyện Kon Rẫy về dự kiến kế hoạch đầu tư ngân sách nhà nước năm 2023
59	Đường từ tỉnh lộ 677 đi vào khu dân cư ông A Nó (thôn 9)	0,40	0,37	0,03			0,03	Xã Đăk Ruông	DGT	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 HĐND huyện Kon Rẫy
b	Đăng ký mới năm 2024									
2.3.2	Đất Thủy lợi	0,20	0,17	0,03			0,03			
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
60	Kênh mương thủy lợi Nước Chuông (Nước Htuy) thôn Trăng Nó-Kon Blo (Nối Tiếp vào Kênh mương hiện có)	0,20	0,17	0,03			0,03	Xã Đăk Kôi	DTL	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 HĐND huyện Kon Rẫy
b	Đăng ký mới năm 2024									
2.3.3	Đất Sinh hoạt cộng đồng	3,64	3,64							
a	Kế hoạch năm 2023 chuyển 2024									
b	Đăng ký mới năm 2024									
61	Cấp giấy CNQSD đất nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1,2,3,4, xã Đăk Pnê	0,25	0,25					Xã Đăk Pnê	DSH	Cấp giấy CNQSD đất cho các nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn xã

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Mã QH	Căn cứ pháp lý
					Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
68	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	25,00	25,0					Xã Đăk Kôi	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
69	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	28,00	28,0					Xã Đăk Ruồng	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
70	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	32,00	32,0					Xã Tân Lập	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
71	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	30,00	30,0					Xã Đăk Tô Lung	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
72	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	25,00	25,0					Xã Đăk Pnê	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
73	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	15,00	15,0					TT Đăk Rve	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
74	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng	35,00	35,0					Xã Đăk Tô re	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
75	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp)	20,00	20,0					Xã Đăk Kôi	RSX	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
76	Trồng rừng sản xuất theo kế hoạch phát triển rừng (BQL rừng Phòng hộ Kon Rẫy)	30,00	30,0					Xã Đăk Kôi	RPH	Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum
Tổng cộng:		1.121,91	421,89	700,02	685,19	7,02	7,81			